

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2011/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSDP, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4262/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSDP, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm a và b Khoản 8 biểu tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như sau:

a/ Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và thu khác từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh:

b/ Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và thu khác từ các hộ kinh doanh cá thể:

2. Sửa đổi Khoản 10 biểu tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như sau:

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp/Thuế nhà đất.

3. Sửa đổi Khoản 13 biểu tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như sau:

*/ Thu tiền sử dụng đất:

a/ Đối với các xã: Sơn Dương, Cao Xá, Kinh Kệ, Hợp Hải, Vĩnh Lại, Bản Nguyên, Tứ Xã, Sơn Vi, Xuân Huy, Thạch Sơn (huyện Lâm Thao); Đồng Luận, Xuân Lộc, Thạch Đồng, Tu Vũ, Hoàng Xá, Doan Hạ, Yên Mao, Trung Nghĩa, Tân Phương (huyện Thanh Thủy); Gia Điền, Xuân Áng, Vĩnh Chân, Đan Thượng, Hiền Lương, Chuế Lưu, Vụ Cầu, Mai Tùng, Y Sơn (huyện Hạ Hoà); Thụy Vân, Hùng Lô (thành phố Việt Trì); Thanh Minh (thị xã Phú Thọ); Thượng Nông, Hương Nộn (huyện Tam Nông); An Đạo, Trung Giáp, Phù Ninh (huyện Phù Ninh); Văn Bán, Đồng Cam, Phương Xá, Sơn Tình, Điều Lương (huyện Cẩm Khê); Đông Thành, Đại An, Đỗ Xuyên, Chí Tiên, Đồng Xuân (huyện Thanh Ba); Chí Đám, Bằng Luân, Chân Mộng (huyện Đoan Hùng); Lương Nha, Dịch Quả (huyện Thanh Sơn); Thu Cúc, Xuân Đài (huyện Tân Sơn); Đồng Thịnh, Hưng Long (huyện Yên Lập):

Ngân sách cấp tỉnh: 20%; ngân sách cấp huyện: 20%; ngân sách xã: 60%;

b/ Đối với xã Tân Phú - huyện Tân Sơn: Ngân sách cấp tỉnh: 20%; ngân sách cấp huyện: 80%;

c/ Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại:

- Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ: Ngân sách cấp tỉnh: 30%; ngân sách thành phố, thị xã: 50%; ngân sách xã, phường: 20%;

- 11 huyện còn lại: Ngân sách cấp tỉnh: 20%; ngân sách cấp huyện: 40%; ngân sách xã: 40%;

d/ Tiền sử dụng đất từ đấu giá quyền sử dụng đất các dự án, công trình trọng điểm (khu đô thị mới, các khu công nghiệp ...) do tỉnh tập trung quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh 100%;

e/ Chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch cho diện tích đất đấu giá... cấp nào thực hiện được phản ánh vào ngân sách cấp đó 100%.

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm 4, Khoản 14 biểu tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như sau:

*/ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Ngân sách cấp tỉnh: 20%, ngân sách thành phố, huyện, thị xã: 30%, ngân sách xã, phường, thị trấn: 50%;

5. Sửa đổi Khoản 15 biểu tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách như sau:

Thuế bảo vệ môi trường

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Các nội dung khác vẫn giữ nguyên như Nghị quyết số 224/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSĐP, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XVII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

**BIỂU TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ TỪ NĂM 2011 - 2015**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

STT	Nội dung	Việt Trì, Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT
				NS phường	NS xã			
1	Thuế GTGT từ ác doanh nghiệp Trung ương (DNTU); doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp cổ phần hoá có vốn Nhà nước (DNĐP); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN).	100				100		
2	Thuế TNDN từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
3	Thuế TTĐB từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
4	Thuế môn bài từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
5	Thuế tài nguyên	100				100		
6	Tiền thuê đất từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
7	Thu khác từ các DNTU; DNĐP; DNĐTNN	100				100		
8	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh							
a/	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và khu khác từ các DN ngoài quốc doanh	70	30			50	50	
b/	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, môn bài, tài nguyên, tiền thuê đất và khu khác từ các hộ kinh doanh cá thể							
	- Đối với các phường		90	10				
	+ Đối với các xã, thị trấn		30		70		30	70
9	Lệ phí trước bạ							
	- Đối với ô tô, tàu thuyền, xe máy		100				100	
	- Đối với nhà đất							
	Trong đó: - Phường		80	20				
	- Xã, thị trấn		30		70		30	70
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp/Thuế nhà đất							
	- Đối với phường		70	30				
	- Đối với xã, thị trấn		30		70		30	70
11	Thuế thu nhập cá nhân							
	- Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100				100		
	- Chi cục Thuế các huyện, thành, thị quản lý thu							
	+ Đối với các phường		90	10				
	+ Đối với các xã, thị trấn		30		70		30	70
12	Thu xổ số kiến thiết	100				100		
13	Thu tiền sử dụng đất							
a/	Đối với các xã: Sơn Dương, Cao Xá, Kinh Kệ, Hợp Hải, Vĩnh Lại, Bàn Nguyên, Tứ Xã, Sơn Vi, Xuân Huy, Thạch Sơn (huyện Lâm Thao); Đông Luận, Xuân Lộc, Thạch Đồng, Tu Vũ, Hoàng Xá, Đoan Hạ, Yên Mao, Trung Nghĩa, Tân Phương (huyện Thanh Thủy); Gia Điền, Xuân Áng, Vĩnh Chân, Đan Thượng, Hiền Lương, Chuế Lưu, Vụ Cầu, Mai Tùng, Y Sơn (huyện Hạ Hoà); Thụy Vân, Hùng Lô (thành phố Việt Trì); Thanh Minh (thị xã Phú Thọ); Thượng Nông, Hương Nộn (huyện Tam Nông); An Đạo, Trung Giáp, Phú Ninh (huyện Phú Ninh); Văn Bán, Đông Cam, Phương Xá, Sơn Tinh, Điều Lương (huyện Cẩm Khê); Đông Thành, Đại An, Đỗ Xuyên, Chí Tiên, Đồng Xuân (huyện Thanh Ba); Chí Đám, Bằng Luân, Chân Mộng (huyện Đoan Hùng); Lương Nha, Dịch Quả (huyện Thanh Sơn); Thu Cúc, Xuân Đài (huyện Tân Sơn); Đông Thịnh, Hưng Long (huyện Yên Lập).	20	20		60	20	20	60
b/	Đối với xã Tân Phú (huyện Tân Sơn)					20	80	
c/	Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại	30	50	20	20	20	40	40
d/	Tiền sử dụng đất từ đấu giá quyền sử dụng đất các dự án, công trình trọng điểm (khu đô thị mới, các khu công nghiệp...) do tỉnh tập trung quản lý thu.	100				100		
e/	Chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch cho diện tích đất đấu giá... cấp nào thực hiện được phân ánh vào ngân sách cấp đó 100%.	100	100	100	100	100	100	100
14	Thu phí và lệ phí							
	*/ Phí và lệ phí tỉnh	100				100		
	*/ Phí và lệ phí huyện, thành, thị		100				100	
	*/ Phí và lệ phí xã, phường, thị trấn			100	100			100
	*/ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	20	30	50	50	20	30	50
	*/ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:							

STT	Nội dung	Việt Trì, Phú Thọ				11 huyện còn lại ⁽¹⁾		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố, thị xã	NS xã		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT
				NS phường	NS xã			
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp	100				20		
	- Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt							
	+ Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước.		100				100	
	Riêng đơn vị cung cấp nước sạch là Công ty cổ phần Cấp nước Phú Thọ.	100				100		
	+ UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu đối với các tổ chức, cá nhân tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.			100	100			100
15	Thuế bảo vệ môi trường	100				100		
16	Thu Quỹ đất công ích, hoa lợi công sản ... tại xã			100	100			100
17	Thu khác ngân sách (Ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%)	100	100	100	100	100	100	100

Ghi chú:

- (1): 11 huyện còn lại bao gồm: Phù Ninh, Lâm Thao, Đoan Hùng, Thanh Ba, Hạ Hoà, Tam Nông, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn.